

TỊNH TÂM GIỚI QUÁN PHÁP*Sa-môn Thích Đạo Tuyên ở núi Chung Nam soạn.***QUYỂN THƯỢNG**

Kính lễ Tam Bảo Tạng, Tát-bà-nhã pháp thân Tỳ
sức răn mới học, mong Thánh thương che chở.

Bấy giờ, Hưng Đường Già-lam, ở Tỳ châu, mùa Hạ an cư soạn ra
khiến đưa đến chùa Linh Nham trao cho Từ Nhẫn thọ trì, gồm ba mươi
thiên như sau:

- 1/ Thiên Thích Danh
- 2/ Thiên Tự Tông
- 3/ Thiên Ngũ Đình
- 4/ Thiên Giáo Lượng
- 5/ Thiên Tự Khánh
- 6/ Thiên Thiệu Căn
- 7/ Thiên Phá giới
- 8/ Thiên Tà Mạng 9/
Thiên Cuống Phật
- 10/ Thiên Tạo Quá
- 11/ Thiên Giải Thoát
- 12/ Thiên Thực Duyên
- 13/ Thiên Lưu Chuyển
- 14/ Thiên Bất Động
- 15/ Thiên Quá Hoạn
- 16/ Thiên Tâm Trước
- 17/ Thiên Hai Báo
- 18/ Thiên Kiết Sử
- 19/ Thiên Duyên Sinh
- 20/ Thiên An-ban
- 21/ Thiên Tương Tư
- 22/ Thiên Nhân Quả
- 23/ Thiên Chỉ Kiếp
- 24/ Thiên Nhất Đế

- 25/ Thiên Tâm Hạnh
- 26/ Thiên Bồ-đề
- 27/ Thiên Giáo Hóa
- 28/ Thiên Phật Tánh
- 29/ Thiên Phước Điền
- 30/ Thiên Thọ Trì.

1. NĂM CHỮ “TỊNH TÂM GIỚI QUÁN PHÁP”, THIÊN THÍCH DANH THỨ NHẤT

Tịnh tâm, là hiện thầy đang gây các thứ lỗi lầm phiền não, dạy thầy tu đối trị, giúp thầy liền được tùy phần giải thoát, cấu nhiễm dần diệt, tâm chuyển minh tịnh, phát sinh định tuệ, khởi tín tâm thanh tịnh Đại thừa, hướng đến chỗ bình đẳng chủng tánh. Dùng nhân yếu này sau cảm đến quả. Cho nên dạy ông xét bệnh mà đối trị, phát triển công nghiệp, tu vào tín cảnh, thành quyết định căn lực, là chân lý không tông của ba Hiền mười Thánh, Vô cấu diệu giác ba mươi hai địa. Chỉ có thể biết nghe thô tướng ảnh tượng, vì phạm phu hạ địa năng lực chưa kịp, cũng chưa thể làm. Nay chỉ giúp thầy trừ sạch nghiệp cảnh khách trần, các bệnh màng mắt, thấy trong thân thầy có phần ít Phật tánh, thì thầy có thể uống cam lộ Bát-nhã, rửa sạch triền cái, dần dần hiển bày tịnh tâm. Nếu tâm thanh tịnh thì khiến chúng sinh giới tịnh. Chúng sinh đã tịnh thì là Tịnh độ Phật. Trước dứt trừ phiền não khiến giới thanh tịnh. Giới đã đầy đủ, định lại thanh tịnh thì dùng giới định thanh tịnh khiến trí tuệ tịnh trí đã tịnh rồi thì hiển nguồn tự thân. Vì có nghĩa này nên gọi là tịnh tâm. Các thiên dưới đây là trị lỗi tuy khác nhưng đồng gọi là tịnh tâm.

Răn, là khiến thầy biết môn đầu đối trị, trước dứt thô nhiễm, căn bản nghiệp ác, biết bệnh biết thuốc giữ tâm giữ miệng, cố gắng tu đạo lìa lỗi, nên gọi là Răn.

Quán là nghĩa xét, quán sát giới này có tương ứng hay không tương ứng với Phật và các lỗi lầm danh tự cú kệ chương đạo, suy lường xét kỹ, như thật mà tâm hiểu được bản ý của răn. Lại hay thuận theo hai môn Chỉ - Quán. Hai pháp này là định tuệ đầu tiên sinh trưởng tất cả Thiền Chi Đạo Phẩm, nên gọi là Quán.

Pháp, tức là văn giới này thứ lớp từ đầu quyển hết lòng dạy bảo, muốn khiến chấm dứt phiền não, bỏ các nghiệp ác, gia hạnh thẳng tấn trụ tâm bất thối, nên gọi là Pháp. Các thiên dưới đây đều có năm nghĩa của Tịnh Tâm Giới Quán Pháp, phải biết như thế.

2. RĂN QUÁN TỰ TÔNG

Hễ muốn tu đạo, đối với ba nghiệp trước phải bỏ hai thứ tài - sắc. Nếu không tham tài thì không có nịnh hót tranh cãi, nếu không tham sắc thì không có nhiệt nảo. Kinh nói bối xả, ly dục thì thuận với Bồ-đề phần. Phải tu thân quán siêng năng một lòng dứt trừ các tham ái ở đời, chế phục cấu não khiến tâm thanh tịnh. Vì dứt bỏ tài sắc mà thành gốc lành vô lậu, hun đúc trong bản thức thành hạt giống vô tham, dần dần hết các hoặc nhiễm mà vào nhập - địa vị Hiền Thánh. Nay thấy người hiểu pháp vẫn còn tham tài sắc, nuôi lớn kiết sử, tương ứng với các lậu, buộc ràng nghiệp ác mà rơi vào ba đường ác. Kinh nói: đã chẳng phải là người đạo, cũng chẳng phải người tại gia, không biết gọi là gì. Phần nhiều đều cầu lợi, chuyên luyện môi mép, thêu dệt bóng bẩy, hý luận ganh ghét chê bai, ba độc càng mạnh, phiền não thêm nhiều chìm đắm biển khổ. Biết mà cố phạm không có lúc giải thoát. Ngàn Phật ra đời không thấy không nghe. Vì nhân duyên đó, đều tội trong địa ngục xong, liền làm thân rồng dữ, trộm cơm áo Phật, phá giới sân cấu phải bị quả ác. Như kinh nói rồng đui. Liền biết hiểu nghĩa chẳng cứu nghiệp khổ. Thầy nên y theo giới như ta nói mà tu hành. Tùy bệnh đối trị, tùy phần giải thoát, chẳng thể miệng nói mà được thanh tịnh. Ba độc năm kết vì sao riêng nặng. Trước trị nặng thì nhẹ liền hết. Mặc áo giáp giới định mà dẹp tâm giặc ma. Tất cả nhân quả khổ, tài sắc là gốc. Tất cả nhân quả vui giới định là gốc. Nhưng nhân quả này ở tâm chúng sinh nhiều như hạt bụi, vì sao chẳng dứt trừ, trước cấm tài sắc, kinh Đại thừa nói tám mươi bốn ngàn tội nghiệp chướng đạo do tài sắc là gốc. Vì sao? Vì chúng sinh mười phương từ vô thủy đến nay vì tài giết nhau còn hơn số đó. Hai dòng đạo, tục đều vì tài sắc. Nay hiện có một trăm hai mươi sáu địa ngục lớn, chịu ngàn muôn các khổ, trải qua vô lượng kiếp mới vào nạ quý, súc sinh. Hai người đạo, tục đồng vì tài sắc mà bị tổn hại. Trước trì sau phạm, rất ít người khỏi được. Nếu có đoạn dứt thì gọi là hạnh Bồ-tát, gọi là chân trì giới, gọi là Hiền sĩ, gọi là đệ tử Phật. Hai việc tài, sắc giống nhẹ mà cảm tội rất nặng. Hà sa mê lầm do tài sắc khởi lên. Hai lỗi này làm phá hoại vua tôi, thầy trò, chồng vợ, v.v... cũng phá hoại thân tộc trong ngoài, bạn bè tri thức. Nếu lìa tài sắc thì không còn thế gian, trời người thoát khổ, Thánh phàm đồng khen. Các lậu dứt hết tiến đến quả Phật. Vì đây cấm trước hai thứ tài sắc. Do sắc mà sinh kiêu mạn, do tài mà sinh mến tiếc. Kiêu mà lại tiếc, tuy có đức khác cũng chẳng xem đủ. Trước phải dứt bỏ tài sắc, để công hạnh được thành lập. Sau nghe kinh luận tức là thứ lớp vào đạo. Nói nghịch làm nhanh nên

gọi là tịnh tâm, kệ rằng:

*Phiền não như cát sông,
Trước phải dứt hai ác
Một tài, hai là sắc
Khi chết, Thần chẳng sợ.
Cát-la phải hộ trì
Hướng chi phạm bốn trọng
Ba tụ giới thanh tịnh
Bồ-tát tâm mừng vui.
Kẻ quê ham tài sắc
Răn thầy bỏ tham đắm
Do tài ba đời khổ
Nhân sắc vào vạc lửa.
Sắc làm chướng Thánh đạo
Tài khiến cho hạnh mỏng
Xét chắc tự xét tâm
Biết tham là mê lầm.
Trí tránh được hầm lửa
Người ngu chẳng sợ ác
Nếu phạm phải hối trừ
Dứt rồi không làm nữa.
Tất cả có hình loại
Chung qui lấp hang hố
Giữ giới cấm căn khổ
Sau được an vui lớn.*

3. THIÊN GIỚI NĂM PHÁP QUÁN DỪNG TÂM:

Năm vọng tưởng, như nhỏ cây gai trước phải chặt rễ. Nếu tu năm pháp quán dừng tâm để dứt năm lỗi, ngăn lại chẳng cho khởi, nên gọi là quán dừng tâm. Do tu quán này mà các não chẳng hiện hành, do đó được giải thoát nhỏ. Giới định điều nhu, dần chứng thần thông, gọi là giải thoát lớn. Mười chướng diệt hết gọi là chân giải thoát, chân thật đều do năm pháp quán dừng tâm này, như thế tu nhập gọi là Tịnh tâm, kệ rằng:

*Tự biết dục tình nặng.
Một bề quán bất tịnh
Bối xả được giải thoát,
Dục hết liền được định*

Nếu chạy theo giảng luận
 Thì niệm dục càng mạnh
 Tức là chẳng đối trị
 Liền đi xuống đường hiểm
 Tự biết sân nhuế nhiều
 Một bề tu Từ Bi
 Lửa độc được mát mẻ
 Thành tựu luật nghi thiện
 Nếu chạy theo giảng luận
 Chẳng trị lúông mỗi mệ
 Tham sân càng tăng mạnh
 Lại bị phiền não trôi
 Tự biết người si nặng
 Quán kỹ mười hai nhân
 Mời ngộ khổ luân hồi
 Biết rõ vô ngã nhân
 Nếu chạy theo giảng luận
 Tranh cãi trọn ngày ồn
 Bỏ gốc, tìm cành lá
 Chẳng thể nhỏ tận gốc
 Tự biết ngã mạn nhiều
 Quán chắc mười tám giới
 Mới được hiểu vô nhân
 Thì bệnh ta liền hết
 Nếu chạy theo giảng luận
 Càng trả nợ ba đường
 Chấp ngã thường cầu hơn
 Danh lợi tự trôi cột
 Tự biết loạn tưởng nhiều
 Thường hơi thở ra vào
 Giác quán dần được thành
 Ta thêm sức giới định
 Nếu chạy theo giảng luận
 Ôn ào chẳng thể dứt
 Lại tranh nhau phải quấy
 Lúc nào diệt sự thức.

Trong bảy phương tiện của Tỳ-đàm, thì năm pháp quán dừng tâm là phương tiện thứ nhất. Các thứ khác là Biệt tướng niệm xứ, Tổng

tướng niệm xứ, Noãn pháp, Đảnh pháp, Nhãn pháp, Thế đệ nhất pháp gọi là bảy phương tiện. Quán hạnh thành tựu thì được quả Tu-đà-hoàn, nếu mới vào đạo thì người Đại Tiểu thừa đều tu chung quán này. Kệ rằng:

*Vì sao nói năm dừng
Lại chẳng theo giảng luận
Ôm bệnh nói thuốc hay
Chỉ muốn được tiếng tăm,
Phàm phu tham lợi dưỡng
Vô tâm trị vong tình
Nếu tu năm quán dừng
Chắc chắn tu đạo thành.*

Vì sao dạy tu năm pháp quán dừng tâm thôi dứt giảng luận? Có hai yếu pháp: Một là Phật dạy thứ lớp vào đạo, đối trị phiền não thô trọng, hai là người thấy rõ pháp nghĩa biết mà cố phạm, chẳng sợ giới Phật, chẳng tu oai nghi. Năm Thiên tịnh giới đều phá hết, thấy người khác giữ giới thì lại ghen ghét chê bai, chỉ tham tài sắc, sân não đấu tranh, ganh tị kiêu mạn, không biết hổ thẹn, chết rồi phải đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trải qua nhiều kiếp. Phải quán việc này hiện tiền nghiệm biết. Cho nên năm pháp quán dừng tâm dứt lỗi, khởi đạo thuận lời Phật dạy, nên gọi là tịnh tâm. Kệ chép:

*Tham như tánh sỏi lang
Sân như tâm rồng dữ
Hoại pháp nên hủy cấm
Ô giới phạm gian dâm
Biết pháp mong trừ độc
Trái lại gây tội sâu
Tạo nghiệp tâm không hối
Chết rồi đến rừng đao
Đọa ngục lớn Vô gián
Phật tánh chìm nhiều kiếp
Như chức trừ gọi phạt
Mất thế, không kham nhận.
Vì sao miệng phá giới?
Thức ăn trong phóng túng,
Vì sao tay phá giới?
Lấy vật thí của người.
Vì sao thân phá giới?*

*Nằm ngồi giường nệm tốt.
 Vì sao nghiệp phá giới?
 Nhận người lễ dưới chân.
 Vì sao hạnh phá giới?
 Im lặng nhận người khen.
 Nếu phạm năm việc này
 Các trời đều buồn thương.*

Phật dạy người mới thọ giới năm năm học luật, sau đó mới học kinh. Luật có năm bộ: Một là Tứ Phần, hai là Ngũ Phần, ba là Thập Tụng, bốn là Tăng-kỳ, năm là Giải Thoát. Năm bộ luật này đồng một Tỳ-ni Đại Tạng. Văn tướng rất rộng, các nạn đều biết. Nay muốn biết thì tài sắc là gốc, dứt được tài sắc thì gọi là vâng giữ luật, giới cấm thanh tịnh thì phát sinh định tuệ, thành tựu Thánh đạo. Biết luật cương yếu nên gọi là Tịnh Tâm. Kệ chép:

*Trong năm bộ giới luật
 Tông yếu dứt tài sắc
 Tu thiên quán bất tịnh
 Đối trị tự đề nén
 Rừng hoang khen thầy chết
 Trong lòng rất thương xót
 Thân ta gặp việc ấy
 Lửa tham liền tắt ngay
 Ba độc rất mạnh mẽ
 Dùng sức trí dẹp nó
 Chỉ mặc áo cũ rách
 Giữa ngày ăn một bữa
 Thường hành tâm bình đẳng
 Tịnh ý luôn ngay thẳng,
 Nếu chẳng thể như thế
 Ca-sa thành gai góc.*

Thánh giáo muôn khác vì căn tánh khác nhau, bệnh thuốc rất nhiều, nhưng người ngu rất mê lầm, tuy dùng công sức mà không phải chánh đối trị, vọng tham danh lợi, thêm nhiều bụi nhơ. Do đó trước tu năm định, sau học giảng luận. Biết đạo thứ lớp gọi là tịnh tâm. Kệ rằng:

*Người đời quen học rộng
 Không hề làm một phần
 Vọng tình chấp vọng pháp*

*Cạnh tranh khởi lãng xãng
 Vào đạo theo thứ lớp
 Giới định tự giúp xông
 Tịnh mạng như Ca-diếp
 Chớ được đồng lục quần.*

4. DẠY QUÁN TÂM HẠNH TRONG ĐỜI MẠT PHÁP:

Phàm phu hiểu nghĩa đều do nghe học, vì người biệt pháp, thân phạm bốn tội trọng, chứa tám thứ bất tịnh tài, ăn uống thức ăn tục. Không có tâm hổ thẹn, biết mà cố phạm, chẳng sợ đời sau. Cho nên khiến ông xét lương tâm hành. Trước tịnh giới cấm, sau mới nghe kinh. Ông giữ năm giới được gọi là tịnh tâm. Xưa, Đại đức giảng kinh Hoa Nghiêm chỉ một quyển Sớ, sau Pháp sư soạn Sớ ba quyển. Nay khi giảng phẩm Thập Địa soạn ra Sớ mười quyển. Đều sinh công năng tranh bày lời hoa, văn tự rất rộng không chỗ gởi tâm. Nhưng đường thể của văn là nghĩa, đâu cần người nói. Nay người ngu chỉ cầu danh mà không cầu pháp, pháp còn chẳng nên mê đắm, huống chi là mê đắm văn tự. Pháp lia văn tự, nói năng đoạn dứt. Kinh Đại Tập chép: Văn kinh là một, giảng là nói khác, đều ý thấy của mình mà phá hoại chánh pháp, trời thần sẽ giận, cho nên ba tai đều khởi. Do nhân duyên đó Phật pháp lạt lẽo như một học nước chế vô vào thẳng lạc, thấy giống màu lạc mà ăn thì chẳng có mùi vị gì. Nghĩ kỹ giảng luận là đem tình người suy lường Phật, trí Chánh giác của Phật, há người thường đâu thể suy lường, như thế xét kỹ gọi là tịnh tâm. Kệ chép:

*Pháp sư giảng nói pháp
 Hai thứ lên tòa cao
 Một là phước vô lượng
 Hai là lìa tội lỗi
 Từ tâm thành tựu người
 Pháp thí hơn tiền của
 Tức giận chuyện đúng sai
 Là nằm ngồi trên gai
 Hữu lậu là nền tảng
 Vô minh là cội gốc
 Giảng kinh chẳng trừ độc
 Pháp sư tự thương tổn
 Tâm giặc cầu danh lợi
 Vội vàng chưa nghĩ suy*

Trẻ con muốn leo thang
 Trước phải giới đủ ẩn
 Người Học sĩ thông minh
 Hành động thường vội vàng
 Hoặc có lầm hiểu nghĩa
 Tà kiến lại đảo điên,
 Cho nên Định trị Động
 Pháp yếu trong bảy giác
 Định tuệ bình đẳng tu
 Chủng trí được mâu nhiệm
 Khi Thế Tôn ở đời
 Chỉ dạy tu xuất ly
 Tọa thiện chớ sinh đủ
 Ác nhỏ cũng lánh xa
 Niệm niệm quán vô thường
 Siêng tu chân đối trị
 Vắng lặng học thiên-na
 Sao mê đắm văn tự.

Do đâu khi Thế tôn còn ở đời thì đều được Thánh đạo và sinh lên cõi trời, vì y theo thứ lớp mà học, chẳng vượt, Tỳ-ni mới có phương vào đạo năm năm tu giới, đêm thì tu định, nhiếp tâm giữ cảnh ở trong rừng hoang, chẳng chứa các thức ăn khác, ít ham muốn, biết hổ thẹn, một lòng quán chắc vô thường bất tịnh, lia lời nói suông, ý chẳng tán loạn, đi đứng tới lui đều phải tịnh khiết, không có tư dụng xấu ác, trước ý hỏi thăm. Đó là duyên lành đều được dấu Đạo. Ông hãy một lòng y theo đây mà tu học thì gọi là Tịnh tâm. Kệ chép:

Chánh pháp khi chứng đạo
 Tịnh pháp điều chúng sinh
 Tùy việc hành Yết-ma
 Trừ cấu được ba minh
 Tượng pháp hết đến Mạt,
 Yết-ma bỏ chẳng làm
 Tuy dường như hòa hợp
 Nhóm thì khởi đấu tranh
 Hễ là các kinh luật
 Cam lồ cũng thuốc độc
 Cởi áo, trãm vết sẹo.
 Chẳng tiêu bệnh phát tác

*Biết pháp chẳng hướng tâm
 Hạnh giải kinh lại mỏng
 Bỏ hết nghiệp giới định
 Lại mê đắm văn tự
 Do đó soạn câu vần
 Khi đọc tâm vui vẻ
 Ngồi yên suy nghĩ kỹ
 Quán sát tự xét lường
 Duyên nào trùng tụng kệ
 Văn ít nghĩa lại rộng
 Ý giới lợi thân ông
 Tin nhận chớ nghi ngờ
 Hoặc thấy người mắng chửi
 Tâm khinh chê lạng yên
 Đây theo Đại thừa giáo
 Chẳng trái lầm với lý.*

5. DẠY QUÁN TU ĐẠO PHÁP TỰ MỪNG TRÁNH ĐƯỢC SÁU NẠN:

Một là trong muôn loài, thân người khó được, như Kinh Đề-vị chép: Nay được thân người khó như rùa mù tìm bụng cây; Hai là tuy được thân người, mà khó sinh ở giữa nước. Cõi này tức ở biên giới có đầy đủ chánh pháp kinh luật Đại thừa; Ba là tuy có chánh pháp nhưng tin ưa lại khó, nay tùy sức tin chẳng dám nghi ngờ chê bai; Bốn là thân người khó đủ, nay được thân nam mà căn không thiếu, tướng mạo đầy đủ, năm là tuy được thân nam mà sáu căn không thiếu, bị năm dục cột trói, xuất gia rất khó. Nay được cất ái xuất gia tu đạo, đáp y Phật, thọ tịnh giới của Phật; Sáu là tuy thọ giới cấm mà giữ giới rất khó nay ông đã có khả năng ở trong giới luật mà tôn trọng ưa thích, biết hổ thẹn cẩn thận hộ trì. Đối với sáu việc này nếu chẳng quán sát thì liền buông lung chơi bời, rất chướng ngại chánh đạo. Đã vượt sáu khó trên thì phải thường vui mừng: Khó được đã được, được rồi không mất như thế mà xét lường, gọi là Tịnh tâm. Kệ rằng:

*Đời có sáu thứ khó
 Khó được, đã được đủ
 Siêng tu giới định tuệ
 Khéo hiểu các câu nghĩa
 Cho nên học Đại thừa*

*Hỏi liền phải biết chỗ
 Nhận cơm của đàn việt
 Ăn no không trí lự
 Không trí nuôi tham sân
 Chẳng thể đúng pháp trụ
 Phạm cấm và hủy giới
 Chết rồi sinh bốn đường.*

6. DẠY QUÁN TƯỚNG ĐỜI NHƯ MỘNG MÀ TU GỐC LÀNH XUẤT THẾ :

Vì sao phải phương tiện giúp cho chúng sinh lìa khổ mà ra khỏi thế gian. Chỉ người ngu tham ái, còn ta thì chẳng tham. Thế nào gọi là người ngu tham ái? Cái gọi là quan chức vinh hoa, kho tàng ngựa xe, lầu các vườn ruộng, thể nữ âm nhạc, ăn ngon mặc đẹp, dạo chơi săn bắn, yến tiệc ca múa cưới gả cậy nhờ dòng họ giao du bạn bè theo thế lực, ba quân bày trận, mưu mô sách lược bàn bạc, hạch hỏi giết hại, khoái ý thích tình, công thành phá hủy, giam bắt trói cột dao kiếm. Hào hiệp ý chí lập ra các nghề, phương thuốc khéo léo, công lao được tôn kính, cúng tế. Tóm lại có vô lượng việc đời giết hại, rượu thịt, đấu tranh thắng thua oán thù, nhiệt não buồn vui an nguy, lành giữ họa phúc, v.v... lìa bỏ được các thứ đó thì gọi là người thật tu đạo xuất thế. Chúng sinh mê lầm điên đảo đối với các việc đời này cho là chân pháp, mà không biết từ vô số kiếp đến nay sinh tử khổ lớn, thân chết rồi đọa vào đường ác, Hằng hà sa kiếp chịu khổ thiêu đốt. Tuy gặp khổ này nhưng vẫn tham đắm sinh tử chẳng chán, buông lung quen thói mê lầm trần cảnh, đều do chưa gặp người chỉ đường tốt, chưa nghe chánh pháp. Nay ông đã nghe hãy như nghe, mà tu học, gọi là tịnh tâm. Kệ chép:

*Phàm phu tánh cuồng si
 Thấy biết thường chẳng chánh
 Nuôi lớn thân ba độc
 Tham sân càng thêm mạnh
 Chưa quán thân hình ướ
 Cầm phân đi chỗ vắng
 Thường dạo cảnh trái thuận
 Giả dối khởi dua nịnh
 Thật vô thường ngã lạc
 Vọng thấy Thường Ngã Tịnh
 Vì tội nghiệp điên đảo*

*Thường vào các đường hiểm
 Người trí hiểu đúng thật
 Tuệ mạng tâm quyết định
 Xem đời như mộng huyễn
 Cùng chân đạo thành Thánh.*

7. DẠY QUÁN TĂNG NI PHÁ GIỚI CHẶNG TU PHÁP XU- ẮT THỂ:

Tăng Ni phá giới, đó gọi là nuôi dưỡng tội tứ hầu hạ, trâu lừa xe cộ, ruộng vườn trồng trọt, rừng rậm hoa trái, vàng bạc lúa thóc, bình phong nệm mền, giường chiếu rương tủ, chậu thau, bình đồng mâm chén, ba y hảo hạng, giường nệm phòng nhà, kho bếp cối thớt, dầu mì tương giấm, các thứ hợp khẩu vị vua quan quý trọng nhiều người khen ngợi. Sinh duyên giàu sang hơn người xưa, ra thừa vào trình, chê bai nha phủ thân làm đầu chúng môn đồ mạnh đông, giảng nói gạn hỏi ưa thích âm nhạc, thường ở một chùa mà bình luận việc tăng, tự do đui phạt, mượn hỏi, hạn, hụi, trúng mùa, kiếm ước, trộm cướp lửa nước, v.v..., ngủ đêm ở quán bar, chợ búa, nhà người giết mổ, săn bắn, bạn thân với phụ nữ, đàn kèn thi phú, cờ vây song lục, đọc sách ngoại điển, lớn tiếng nói cười, ghen hờn, tranh nhau ăn thịt uống rượu, y phục lụa là năm màu tươi sáng, cạo râu tóc láng sạch, móng tay nhọn hoắt, chứa tám thứ bất tịnh tài, báu vật giàu sang, v.v... các việc như thế tham cầu mê đắm chứa nhóm chẳng rời, gọi là thật phá giới. Kinh nói: Các Tỳ-kheo này gọi là Cư sĩ trợ, gọi là giặt, mặc áo ca sa gọi là thợ săn trợ, gọi là người ba đường, gọi là người không biết hổ thẹn, gọi là Nhất-xiển-đề, gọi là kẻ chê bai Tam bảo, gọi là kẻ hại tất cả tai mắt đàn-việt, gọi là hạt giống sinh tử, gọi là kẻ chướng đạo. Xa lìa mười tên gọi xấu ác này gọi là Tịnh tâm. Kệ rằng:

*Lạ gì kẻ phàm phu
 Chứa nhóm tham, sân, si
 Phá giới không hổ thẹn
 Khinh chê báu Mộc-xoa
 Tìm cầu vọng như lửa Gây
 ra các khó khăn, Dạy
 người thường bố thí
 Minh thí như rút gân
 Ngạo mạn thiện tri thức
 Cây nhờ thân máu mủ*

Buông lung mê năm dục
Lúc nào thoát bến khổ
Áo, tham đồ năm màu
Ăn, luôn tham no bụng
Bỏ tịnh vào chợ ồn
Kinh giới không hề đọc
Nhổ cỏ lại đào đất
Tươi rớt tự vườn tược
Nghề nghiệp hơn người tục
Rương châu đến ba - năm
Chỉ lo tiền không đủ
Khóa xiềng các cửa nẻo
Lớn tiếng nói cười ta
Xiểm mạn tâm chưa khắp
Hủy phạm bốn trọng cấm
Dữ dần hơn cọp sói, Chết
rồi mãi đắm chìm Hết tội
sinh biên giới,
Đáng thương chúng sinh phạm
Tối tâm không trí tuệ
Chỉ tham lợi trước mắt
Không thấy tội tương lai
Xuất gia mong tịnh lạc
Lại đeo đuổi mong cầu
Ôm tiền rồi bỗng chết
Đạo tục lại chia hai
Tánh ác như rắn rít,
Tham lam như sói lang
Cạo đầu không thật dứt
Cao dung lại tổn thương
Dấu tội cầu danh vọng
Chẳng sợ ghẻ lợi dưỡng
Cư sĩ tu giới thí
Tuổi hết sinh cõi trời
Sa-môn lại tham tiếc
Chẳng quán không, vô thường
Chỉ biết gây nghiệp ác
Gặp việc nhìn vào vách

*Phá giới trái kinh luật
 Che dấu không hổ thẹn
 Ta làm thì ta chịu
 Ba đường có ai thay
 Tuy pháp không ngã nhân
 Thiện ác cũng chẳng mất
 Ba cõi khổ luân hồi
 Sáu đường sinh tử mãi
 Các lỗi ác như thế
 Cẩn thận mà xét lường
 Nguyên dứt nhân tiếp nối
 Giữ tâm như kim cương
 Nước định rửa phiền não
 Thành giới tự ngăn ngừa
 Đức như Loa Kế Phạm,
 Chỗ đi thấy Tây phương.*

8. RĂN QUÁN NGOÀI HIỆN OAI NGHI, TRONG KHỞI TÀ MẠNG:

Tà mạng: Là nói làm thanh tịnh chỗ ở, trang hoàng làm đẹp đạo tràng bày phướn hoa và các đạo cụ, thường cạo đầu thường mặc áo ca-sa đi giày dép, oai nghi khoan thai, đi chậm ngó thẳng, nói nhỏ nhẹ, êm ái hoặc lại làm thính, ngó xuống cúi đầu. Y bát luôn theo mình, xem luật mà luôn ở trong tâm lại cầu danh lợi, mong người khác mời thỉnh cung kính tôn trọng. Tiến giới độ người, gương làm thầy đứng đầu. Ở trong đồ chúng mà mong người khác y chỉ. Nếu giải thích kinh luật, có hỏi thì sinh khó dễ. Phần nhiều đều ghen hờn, mắt dữ nhìn người. Kiến thức hẹp hòi phạm lỗi chẳng chịu sám hối, nếu nói ra thì ưa nói châm chọc, ganh người khác được lợi như lửa đốt tâm, tình trần ý cấu không hề dứt bỏ. Tuy ngồi giường dây mà khởi quán ác giác, phan duyên loạn tưởng. Lại nghĩ đến việc đời, khiến ban đêm ác mộng, mà rò rỉ bất tịnh. Ác giác nhiếp ý luôn hun đúc bản thức, chứa kết hạt giống nghiệp ác, thu nhiếp chướng tịnh, sinh tử chẳng dứt, luân hồi không bờ bến, chịu các khổ não, ba nghiệp bất tịnh, trái tám Thánh đạo, ngoài trắng trong đen, thuận tám đường tà, đó gọi là Tà mạng đối lừa phàm Thánh. Quán sát như thế được gọi là Tịnh tâm. Kệ rằng:

*Miệng tụng Kinh Vô Thường
 Thân lại chấp có thường*

Cầu mong lợi dưỡng khác
 Nhắm mắt chưa quán để
 Ba y chỉ muốn tốt
 Chẳng chịu mặc áo rách
 Trong tâm rất thô ác
 Bên ngoài rất nhỏ nhẹ
 Đối gạt người thế gian
 Giả đại bi thương xót
 Hiền Thánh chẳng ngợi khen
 Thiện thân chẳng che chở,
 Nghiệp chướng ngày đêm tăng
 Giới định niệm niệm trệ
 Tuy có đủ hai mắt Lại
 bệnh mù một mắt.

9. RĂN QUÁN CHẤP CẬY NHAU, DỐI LỪA PHẬT PHÁP

Kinh nói: Thế nào là Tỳ-kheo dối lừa Phật? Như nói: Ta tu từ bi, còn người kia giận dữ, ta hay bố thí, người kia san tham, ta đủ tịnh giới, người kia phạm giới, ta siêng năng tinh tấn, người kia biếng lười. Ta có trí tuệ, người kia quá ngu, nay ta ưa vắng lặng người kia thích ồn ào. Ta tu oai nghi, người kia vụt chạc, ta trụ như pháp, người kia không đúng pháp. Hoặc cậy mình ở ẩn trong núi tuyết thực, mặc nắp y, giữa ngày ăn một bữa thường ngồi không nằm dưới cây nơi gò mả. Hoặc giảng kinh luật khéo giải tướng pháp. Ta có phước đức trí tuệ như thế, chấp lấy tướng này nên gọi là ngã kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến. Chấp chặt tướng ấy gọi là lừa dối Phật. Vì sao? Vì tu đạo gọi là không lừa dối Phật. Nếu người tu ba môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện cũng không có mê đắm, chỉ quán thế đế lường dối điên đảo, như huyền như mộng, không có một thứ nào thật. Thành tựu quán môn này tu giới định tuệ, tinh tấn chẳng ý mình khinh chê người khác không có đức, mà mềm mỏng ngay thẳng, khiêm nhường không tranh hơn. Đem các gốc lành này hồi hướng Vô thượng Bồ-đề. Người tu lìa tướng như thế không gọi là lừa dối Phật. Không lừa dối Phật nên được pháp bình đẳng. Pháp nhãn xán lạn, thanh tịnh được trí chướng, chẳng mê đắm có không, nên gọi là Tịnh tâm. Kệ chép:

Tám muôn bốn ngàn pháp
 Đối trị nhiều thứ bệnh
 Đó gọi Đại phương tiện

Thành tựu hạnh khéo léo
 Chấp tướng gọi dối Phật
 Đắm ngã khởi tranh chấp
 Tỳ-kheo tự chết chìm
 Chẳng thể đến rốt ráo
 Tu ba môn giải thoát
 Pháp Không giúp tuệ mạng
 Quán kỹ duyên nhóm hợp
 Chứng trí lại mừng vui.

10. RĂN QUÁN KHINH TRỜI SỢ NGƯỜI, CHỖ VẮNG TẠO LỖI:

Phàm phu đua nịnh, không giữ oai nghi. Ở trước người thì thu nhiếp, gọi là dối trá, ở chỗ vắng tạo tội gọi là buông lung, nói là phá các giới nghi ăn uống trộm riêng, mình trần tắm gội ao hồ, chỗ trống tiểu tiện, đánh rắm ra tiếng, mò mẫm chỗ vắng, ngủ ngửa lăn xuống đất, ngồi xỏm chống má, vụt chạy liết mắt ngâm vịnh ca hát. Tóm lại gọi là đua nịnh, ba nghiệp bốn nghi đều chẳng đúng pháp. Ở trước người giống người, ở chỗ vắng giống quỷ. Tất cả thiên thần chúng biết lỗi này, chết rồi thì sinh làm quỷ vượn và quỷ mị, vì phạm giới nghi quả báo liền đến, chẳng dối được nhà tối, nghĩa ấy như thế, vì sao? Vì cây nghiệp sáng suốt như gương. Chúng sinh tạo nghiệp đều hiện trong đó. Thiên Thần có hai: Một là tự đồng sinh, hai là tự đồng danh. Người chẳng thấy trời, trời thường thấy người, nghiệp lục giữ tội chẳng ở ngày đêm. Người tu phải cẩn thận, chỗ vắng, chỗ có người đều không sai trái. Cả Đại thiên thế giới ở trong lỗ lông của Phật, đâu dung tha tội chỗ vắng, Hiền Thánh chẳng biết. Cho nên Bồ-tát có tám muôn oai nghi, giới Thanh văn có ba ngàn oai nghi. Ông nên tu tập oai nghi thứ tự chỗ vắng, và chỗ có người đều một dụng tâm, cho đến mất mạng cũng không thiếu nghi phạm. Như thế mà hành trì thì gọi là Tịnh tâm, kệ chép:

Hiền Thánh thoát ba cõi
 Thường đạo cảnh ba cõi
 Quán nghiệp các chúng sinh
 Như thân đối mặt trời
 Người trí trọng oai nghi
 Trì giới tâm mạnh mẽ
 Chỗ vắng không thiếu sót
 Bốn nhiếp bền chắc theo

*Quán thân như rắn độc
Xét tâm như kẻ thù,
Thân tâm là họa lớn,
Che tội như cát sông,
Người trí phạm rồi hối
Chẳng che giấu tội lỗi
Che tội gọi trẻ con
Địa ngục chịu vòng sắt
Khổ thay thời mặt pháp
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
Tuy cạo đầu đổi áo
Vẫn giữ tham, sân, si
Giả xưng Ưu-bà-tắc
Đối trá Ưu-bà-di Trong
tên, gọi năm giới
Thật chẳng thọ một giới
Như thường đọc tên thuốc
Tâm bệnh chẳng chịu trị
Nghiệp ác luôn che chướng
Tà mạng tìm kế sống
Thân kiến chấp trước ngã
Chẳng biết tức chia lìa
Cũng chẳng quán năm ấm
Hơi dút như tơ treo
Trước người nhiếp oai nghi
Chỗ vắng hơn Tu-di
Chỉ sợ người cười chê
Chẳng sợ trời chứng biết
Dục say cuồng tình phát
Đi ngồi đều nhiếp tâm
Triền miên phá giới trọng
Chết rồi đọa A-tỳ
Trải địa ngục một kiếp
Kiếp hết lại đời đi
Khổ này khó chịu nổi
Chỗ vắng phải cẩn thận.
Vì tạo nghiệp đối trá,
Chư Phật phát đại bi*

*Phạm dục vui chốc lát
 Chịu khổ vô lượng kiếp
 Kinh nói người mới sinh
 Liền có hai thứ trời
 Ngày đêm ở với thân
 Cùng người đồng thọ tuổi
 Một niệm làm thiện ác
 Rõ ràng đều hiện ra
 Ác nhiều trời giảm tuổi,
 Thiện nhiều khiến sống lâu
 Phật Tỳ-lô-giá-na
 Thân cõi rộng vô biên
 Trong một lỗ chân lông
 Chứa cả cõi Tam thiên
 Tánh chiếu tròn sáng suốt
 Đều sinh ra ruộng phước
 Vì nhiều tội chỗ vắng
 Vô duyên khởi thương xót.*

11. RĂN QUÁN NGƯỜI NỮ LÀM MƯỜI ĐIỀU ÁC NHƯ TẬT CHÁN LÀ MA GIẢI THOÁT:

Mười điều ác của người nữ nói đủ thật khó cùng. Nay nói lược khiến sinh chán lia: Một là tham dâm vô lượng không chán. Kinh nói mười phương cõi nước chỗ nào có người nữ thì có địa ngục. Tất cả chướng đạo đây là do khổ này. Người nữ ưa muốn người nam như biển nuốt các dòng sông, trăm ngàn muôn kiếp rớt ráo chẳng đầy, được một thì mong một, tâm ý cuồng loạn. Thấy người nam vừa ý liền muốn giao tiếp, cũng như lửa cho thêm củi thì càng cháy dữ. Ngày đêm đi ngồi thường không quên dục, thọ thân năm đường đều thuộc thân nữ. Đời trước đến nay nữ căn chưa đổi, suốt kiếp cùng đời chẳng khởi thân nữ, nên gọi là tham dục không chán; Hai là tâm ghen ghét như rắn độc, nhà có người nữ, thì sinh ghen ghét, miệng giống người thân mà tâm như kẻ thù, nếu đồng một chồng lại cùng quy mạng, hoặc làm bùa ếm, giải tấu thuốc độc, hoặc thuê người giết hại, hoặc chặt hết tay chân, hoặc rạch phá mặt mày, hoặc lột hết áo quần, đánh đập chửi mắng, phương tiện không muốn người khác độc lập nên gọi là ghen ghét; Ba là dối trá làm thân, hề thấy người nào chưa nói đã cười, miệng nói nhớ thương mà lòng thì hờn ghét. Đối với chồng thì nghĩ người Nam khác,

muốn chồng đi xa hoặc mong chết sớm, hoặc cùng người ngoài bàn mưu tính kế. Khi thấy chồng thì giả bộ nịnh nọt gần gũi. Thân tâm trái nhau nên gọi là đối trá làm thân; Bốn là buông lung, chỉ nghĩ áo quần phấn son xoa xuyến, sửa sang mặt mày mong người khác nhớ thương, mê đắm năm dục, chẳng tránh thân sợ, chẳng sợ đời sau phải làm súc sinh, ngựa quỉ, nên gọi là buông lung; Năm là miệng nhiều nghiệp ác, hễ có nói gì thì nói đối trá khó được thật tình, phàm chỗ luận nói đối nhiều thật ít, ưa nói xấu người khác bằng các lời uế ác. Mẹ con, chị em đều chẳng kiêng kỵ nhau, hai lưỡi đấu loạn, truyền đưa tin tức, thường làm bùa chú chẳng sợ quả báo. Chỗ vắng thường vắng chửi tôn trưởng, cãi lẫy đến cùng. Đó gọi là miệng nhiều nghiệp ác; Sáu là chán ghét chồng, nếu thấy người nam đẹp đẽ thì đeo dính không hổ thẹn, hoặc gởi tin ép bức, hoặc thân đến ngồi nằm, chẳng yên bỏ phước việc làm, hoặc kết thành bệnh, hoặc giả bị bệnh, chỗ vắng thì ăn nuốt mà trước người thì giả không ăn. Chồng cực khổ làm ra tiền mà cất xén lấy trộm để cung cấp cho trai, cùng bàn mưu kế giết hại, thấy chồng liền giận dữ chẳng khác kẻ thù. Đó gọi là chán ghét chồng; Bảy là tất cả người nữ đều đối nịnh thường không thật tình. Do đó tánh người nữ gian hiểm khó lường. Tuy cùng đối mặt nói năng mà tâm cách ngàn dặm xa, đều là tâm cầu lợi đời, tánh ham kiêu sa. Nói phải mà dẫn ngược làm quấy, chỉ đối làm thật, điên đảo (lật lạng) lý thường, một việc thường có nhiều mối, sau lưng có không, tình theo lạnh nóng, hoặc cậy thế mạnh, hoặc đảng thân biết, hoặc nhân tài sắc mà vu oan, hoặc tranh giành ngôi vị mà chê bai chửi bới. Ấy là miệng trơn như mỡ, tâm như dao nhọn; Tám là tham tài chẳng nghĩ ân. Cha mẹ nuôi dưỡng cực nhọc khó đáp đền, khi gả chồng thì bỏ quên ân đức, giảm bớt của cha mẹ để lợi ích nhà chồng càng nhiều càng mừng không khen liền hận. Cha mẹ đói rét không hề cung cấp. Đó gọi là tham tài chẳng đoái hoài ân nghĩa; Chín là lửa dục đốt tâm, chẳng sợ xấu hổ cha mẹ, chẳng sợ dao gậy, hoặc chưa cưới gả có con thì cùng trốn tránh, hoặc bắt dẫn người khác đến nhà tạo tội, làm nhục cha mẹ, bại loạn tông thân. Cưới gả rồi thì sau lại phản chồng. Chồng mất chưa bao lâu thì lại nghĩ đến chồng khác. Con cái thành người cũng bỏ đi lấy chồng. Tâm say mê dục chẳng biết xấu hổ. Tội lỗi của người nữ cùng kiếp cũng khó nói hết, nên gọi là lửa dục đốt tâm; Mười là thân nữ hôi thúi, chất bất tịnh thường chảy. Xuân hạ trời nóng, trùng máu cùng xuống. Kinh nói: Trong nữ căn có hai muôn dâm trùng, hình như chiếc vòng đeo tay, nhỏ như sợi lông, hôi tanh dơ dáy. Riêng rơi vào thai, có con thì sinh ra chất dơ bừa bãi. Thiệt thần

thấy nghe đều bỏ đi. Ác quỷ vọng lượng thường đến khuấy phá. Như thế những người ngu mê cũng tham bỏ niệm xứ mà phá tịnh giới của Phật. Chết rồi đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, nhiều kiếp chịu khổ không lúc nào thoát được. Đó gọi là mười nghiệp ác của người nữ, quán sát xa lìa thì gọi là tịnh tâm. Kệ chép:

*Bốn trăm bốn thứ bệnh
 Ăn đêm là cội gốc
 Khổ ba đường, tám nạn
 Người nữ là cội gốc
 Sinh tử vô số kiếp
 Tham ái là cội gốc
 Hiền Thánh vui giải thoát
 Lìa dục là cội gốc
 Bốn rấn thành thân côi
 Tưởng điên đảo làm tâm
 Máu mủ khắp chín lỗ
 Tinh tưởng khởi tham dâm
 Thuận tình bảo vui vẻ
 Chẳng tin đọa rừng đao
 Quả báo làm trâu chó
 Do trước tham ái sâu
 Tất cả tánh người nữ
 Ít thật nhiều dục vọng
 Chẳng nghĩ thân hôi thúi
 Ngồi nằm luôn nghĩ dục
 Nhìn thấy người nam khác
 Ưa thích luôn ép ngắt
 Trăm ngàn muôn ức kiếp
 Rốt ráo chẳng đầy đủ
 Chẳng hổ thẹn mẹ cha
 Bại tổn các thân tộc
 Nam ít, nữ thì nhiều
 Nhà suy luôn bị nhục
 Nữ có mười nghiệp ác
 Chết vào ngục giường sắt
 Dù nhọn đâm nữ căn
 Khổ đau kêu khóc rống
 Địa ngục tội hết rồi,*

Chuyển vào thai heo, chó
 Ăn phân ở nhà xí
 Bùn thúi sinh khuẩn trùng
 Lại bị khổ giết mổ
 Nhiều kiếp tội khó hết
 Từ súc vào ngựa quỉ
 Ăn dơ thường chẳng no
 Tay chân bị lửa đốt
 Xương cốt vẫn chẳng tiêu
 Tham dục vui tam thời (chốc lát)
 Chịu báo khổ vô cùng.

12. RĂN QUÁN BỐN THỨ CỦA ĐÀN VIỆT, TỪ DUYÊN KHỔ MÀ SINH KHỔ

Tổn hại sinh mạng gọi là nghiệp khổ, gân xương ở đây hết gọi là duyên khổ. Kinh nói: Ăn là từ cây bừa, gặt hái, sàng sẩy, chứa cất, xay giã, nấu nướng, rồi đem cung cấp cho ta. Lại trồng rau làm hàng rào, tưới nước ruộng vườn, làm ra hạt cơm, kể ra một bát cơm là một bát mồ hôi, mồ hôi trong da thịt tức là máu. Công làm ra một bát cơm là một bát máu, hưởng chi cả một đời ăn uống biết là bao nhiêu. Bắt đầu từ cây cấy, gieo trồng cho đến vào miệng thì giết hại vô số trùng nhỏ, do đó Phật dạy ngày ăn một bữa để giữ mạng sống qua một đời. Về áo thì nuôi tằm giết kén lấy tơ dệt nhuộm, giặt rửa cắt may, các duyên làm ra vô lượng cực khổ. Kể áo quần trên dưới đã giết bao tằm, tốn biết bao khí lực. Kén tằm vào nước sôi chịu khổ biết bao. Thế nên Phật dạy mặc áo phấn tảo, che thân tẻ lậu mong được tu đạo. Nhà cửa thì từ đào đất, xây tường giết hại trùng dưới đất, chặt phá cây rừng làm hại trùng cây khi tạo gạch ngói thì giết trùng bùn đất, đốt lửa nung hầm thì giết trùng cỏ. Người làm cực khổ thì chủ tốn tiền, ăn uống các duyên tổn hao lờn mới thành một căn phòng ngôi nhà, cho nên người tu phải nương ở gò mả, dưới cội cây, nệm cỏ mà ở. Nghĩ ăn là khổ nên ăn có tiết độ. Nghĩ áo giết hại vật nên mặc áo phấn tảo, nghĩ phòng nhà ngựa cụ từ duyên khổ sinh ra chí thích hạnh đầu-đà, ba tháng mới dời đổi. Nghĩ bốn việc khó tiêu mà ít muốn, biết đủ. Kinh chép: Ăn của đàn việt như đời đói kém mà ăn thịt con, mặc của thí chủ như sắt nóng cột trói mình. Khi vào phòng như vào rương sắt, khi nằm ngồi giường như giường sắt nóng, thà đập nát thân này cũng như bụi cát chứ chẳng chịu thân phá giới mà nhận người cung cấp. Khổ báo ba đường đều là thích áo tham ăn, ham

thuốc men nhà cửa. Nếu nhân phá giới phải chửi mắng đũa xôi, hoặc làm thân sáng suốt mang lông đội sừng, sống thì trả gân xương, chết thì dâng da thịt, mạng kéo vật nặng, hết sức đứng dậy thì té ngã. Luống thọ của tín thí, vui chẳng bao nhiêu mà đền trả thí chủ thì khổ gấp muôn lần. Cho nên dạy ông phải biết hổ thẹn, cẩn thận giữ gìn đời sau, chớ phá giới mà nhận của tín thí gọi là Tịnh tâm. Kệ chép:

*Người trí chẳng tham ăn
 Người tham ăn, không trí
 Chẳng nghĩ xuất khẩu
 Chỉ lấy lợi người ăn
 Tự nuốt đờm trong nã
 Trên ngọn xuống dưới bờ
 Tuệ mạng dứt bốn ăn
 Người tu chẳng ham thích
 Tỳ-kheo chẳng ưa tịnh
 Tham lợi nhận đạo cụ
 Tìm cầu tâm tán loạn
 Vội gấp đủ các duyên
 Được một lại mong một
 Tâm qui thường chẳng dừng
 Phải biết thẹn thí chủ
 Thân thúì mặc áo rách
 Khuyên quán ba thoát môn
 Là tướng tự điều ngự
 Ít muốn, học biết đủ
 Đáng nương Phú Thích Tử*

13. RĂN QUÁN ĐƯỜNG TRÔI LĂN, CHỊU BÁO VÔ CÙNG:

Chúng sinh ba cõi từ vô thủy đến nay gây ra các nghiệp thiện ác đều huân vào bản thức, thành hạt giống của nghiệp, tịnh nhiễm hợp tạp, số hơn cát bụi, chịu báo sáu đạo sinh tử vô biên. Từ địa ngục ra sinh lên cõi trời, người, quỷ, súc. Súc sinh thì trước chịu các thân loài bò cạp, bướm và các sâu bọ nhỏ nhít, một ngày một đêm trăm lần chết trăm lần sinh, ngàn chết muôn sinh rồi dần dần chịu thân lớn cho đến cá Ma-kiệt thân dài mười ngàn do-tuần. Thoát thân súc sinh thì làm thân Tu-la. Phước trên cõi trời hết lại đoạ xuống địa ngục, ngựa quỷ. Kinh nói quỷ có trăm ngàn muôn thứ, quả báo đều khác, sáu đường người súc đều có cả ngàn muôn loại, sắc mạng khổ vui, chất hình xấu tốt, ngàn muôn sai khác nói

khó hết được. Nay nói nhân đạo bản nghiệp đến nơi. Kinh chép: Thọ thân đẹp đẽ có tánh tịnh khiết là các vị trời đến, da dẻ thô xấu chẳng thích tu bố thí là loài súc sinh đến. Hình sắc xấu xa, khô khan ít trí là loài địa ngục đến, cử động vụt chạt là từ loài quỷ vượn, nhanh nhẹn giỡn đùa là từ trẻ múa hát đến, tánh nhiều dục vọng là từ loài quỷ thần đến, chỉ nói sơ lược, rộng thì khó hết. Trong một đường có Hằng hà sa số nhân quả. Chịu một thân kiến cũng trải qua nhiều kiếp, hưởng chi chịu các hình khác ở các đường khác. Cho nên sinh tử chẳng thể cùng tận. Thầy hãy quán kỹ, khi chết phải chịu khổ nhiều thì khi thọ thân sống lại càng khổ dữ. Như thế đau khổ đã trải qua nhiều kiếp, đã bỏ vô số thân rồi chịu vô biên khổ. Người ngu ở trong đó cũng buông lung chơi bời. Thầy hãy suy nghĩ mà siêng cầu thoát khỏi, siêng năng gắng sức thành quả Vô học, chứng chân giải thoát, vui vẻ an ổn. Quán được như thế gọi là Tịnh tâm, kệ rằng:

*Tất cả người đời muốn được vui
 Khiến tu nhân vui chẳng chịu làm
 Người ngu được vui bảo thường vui
 Chẳng biết chết rồi bị giảm tiêu
 Mười lăm đáng đẹp nói đáng yêu,
 Bốn mươi trở đi tự khô hao
 Nếu sinh lên trời tám muôn kiếp
 Chẳng khỏi vô thường lọt khe hang
 Phàm phu tạm vui quên khổ lớn
 Khi chịu khổ lớn lại quên vui
 Khổ vui phải chịu như hoa đóm
 Xưa nay chỉ là tình mê lầm
 Mê giải, ngộ đạo được thân thông
 Dứt hết sinh tử gọi vui thật.*

14. RẪN QUÁN NĂNG LỰC TÁM THỨ GIÓ NGƯỜI ĐẠI TRÍ CHẴNG ĐỘNG:

Tám thứ ấy là: 1/ Lợi; 2/ Suy; 3/ Hủy; 4/ Dự; 5/ Xưng; 6/ Cơ; 7/ Khổ; 8/ Lạc. Tất cả chúng sinh bị tám thứ này khuấy động, tâm chẳng yên, nên gọi là tám gió. Tướng động thế nào? Được lợi liền vui, suy não liền lo buồn, bị hủy nhục liền giận, khen nói liền vui, gặp khổ liền đau buồn, gặp vui liền buông lung, khen ngợi thì tình mừng, chê thích (chê chọc) thì ôm hận. Tám pháp này khiến cho người si phàm xao động chẳng an. Hủy dự (chê, khen) một tiếng thì vọng khởi hai nghiệp, tạo

nhân ba đường, quả báo bốn đường, trôi giạt trong năm đường, thành tựu mười triển, mãi bị buộc ràng, lúc nào mới giải thoát. Nhưng mười giới thì duyên hòa hợp nên sinh, tánh không nên diệt. Hiểu rõ sinh diệt liền không ghen hờn. Gió hờn chẳng khởi thì lửa tội chẳng cháy. Lửa chẳng cháy thì tâm được mát mẻ, không có các nhiệt não. Vì không nhiệt nào nên gọi là Tịnh tâm. Kệ chép:

*Người ngu ham ăn ngon
Ghét cứt đái trong bụng
Thấy sinh thì ái nhiễm
Xem nhẹ già bệnh chết
Chê khen đồng tiếng vang
Giận mừng lại cùng khởi
Tâm chấp tướng cao thấp
Chẳng biết lý bình đẳng
Si hoặc chấp âm thanh
Phàm phu cùng như thế
Phân sinh tử cho ăn
Văn kinh khiến so sánh
Tai bị tiếng gạt lừa
Thần tiên té núi chết
Người trí hiểu chân không
Thấy nghe chẳng giống nhau.*

15. RĂN QUÁN TƯỚNG KHỔ NÃO LẦM LỖI CỦA THÂN TÂM:

Thân tướng, là sáu đường khác loại do ấm đại giả thành, giảm quả hiện tiền đáp nhân quá khứ, nên gọi là thân tướng. Thân tướng có tám mươi bốn ngàn các thứ hình. Hai báo y chánh đều khác nhau. Một người chịu khắp các thân, trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp. Nay răn quán thân chỉ nói nhân đạo (loài người), một người có chín muôn chín ngàn lỗ lông, tám vạn thứ gió ra vào trong ấy, tám vạn hộ trùng khắp thân đầy đủ, bốn trăm lẻ bốn bệnh lại cùng phát động, ba trăm sáu mươi gân xương nương gá vào nhau, một trăm mười khổ không lúc nào chẳng chịu, ba mươi sáu thứ bất tịnh máu mủ hợp thành ấm thân. Chín lỗ thường chảy ra chất dơ. Như trên khổ vui mới thành ở một người. Hiền Thánh xa lìa như trừ bệnh truyền nhiễm, nên gọi là quán thân. Tâm tướng, trong khoảng một niệm có chín mươi sát-na sinh, trụ, dị, diệt cũng như ánh điện chớp, trần hiện thức sinh, tham cảnh vờ lấy quả báo.

Kinh nói tâm tham dục có hai muôn một ngàn, tâm sân có hai muôn một ngàn, tâm ngu si có hai muôn một ngàn. Tâm đẳng phần có hai muôn một ngàn, hợp lại có tám mươi bốn ngàn trần lao, một trăm tám mươi thứ phiền não, năm trăm bốn mươi thứ thọ, chín mươi tám thứ sử. Nên gọi là quán tâm. Nếu vào pháp quán An-ban tâm sở tạm dứt, cho đến chín định thứ đệ lại qui về một chân tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh này gọi là Phật tánh, gọi là pháp thân chân thường, là tâm của vô tâm, tướng của vô tướng, quán sát như thế gọi là Tịnh tâm. Kệ chép:

*Bỏ duyên nhờ cảnh tịnh Chánh mạng tự
nuôi thân Quán kỹ tâm hư không Tùy phần
được giải thoát Nếu tham sân sắp khởi
Quán không để dứt hết Hà sa gốc phiền
não Định lực năng dứt trừ Chuyên định
chẳng tu trí Tiểu thừa chẳng Đại tuệ Tuy
lại khổ thân hành Uổng phí trải năm tháng
Tu định tuệ bình đẳng Mới biết thể tánh
Phật Thắng đến Đại Niết-bàn Huống chi
Đế thế gian.*